

Vườn
Thơ



Mỹ Nâu



*CHÚT TÂM TÌNH
ĐỂ THAY TIẾNG CẢM ƠN*

HUY VẤN

Bạn lầy lắt trong từng ngày khốn khó
Tôi lưu vong, thân bảy nổi ba chìm
Xa bạt ngàn mà gần quá: lòng tim!
Trải man mác trên dòng thơ, ý nhạc.

Dù hoàn cảnh và cuộc đời đã khác
Vẫn thấm tình huynh đệ thưở chi binh
43 năm còn mang nặng nghĩa tình
của một thưở chung màu cờ, sắc áo.

Bạn: chiến hữu đã góp phần xương máu
giữ yên đời, ngăn hồng thủy tràn đê
Bạn và tôi cách vạn dặm sơn khê
mà như thể chỉ trong tầm tay với!

Lòng tri ân vượt không gian, biên giới
Theo thời gian vẫn âm ỉ từng ngày
43 năm! Bạn cơ cực, đắng cay
Còn tôi sống thành thoi nơi viễn xứ.

Lời cảm ơn nói vạn lần chưa đủ
Hơn nửa đời còn nhức nhối trong tim
Nợ máu xương vốn từ cổ chí kim
luôn u ẩn trong tâm hồn trắng sí.

Dù no ấm vẫn nhớ thời vận bị
khi lia đàn, tan tác cả giang sơn
Chút tâm tình để thay tiếng cảm ơn
gửi từ sĩ anh linh về...thượng hương!
(*Quý tặng anh em TPB / LĐ 1&12BDQ*

*Để nhớ: Cao Kim Jacques, Vũ Văn Giáp, Vũ Thành Công và
đồng đội các cấp thuộc TĐ 37 BDQ)*





(Phóng tác theo “Les feuilles mortes” của Jacques Prévert)

Hoàng Đức

*Nhớ chẳng thuở đó bên nhau
Những ngày hạnh phúc tươi màu thời gian
Trời Thu xanh ngắt mây ngàn
Công viên thơm nắng nhuộm vàng tóc Em*

*Em ngồi gom lá Thu rơi
Anh quên sao được mắt môi Em cười
Gió từ phương Bắc trùng khơi
Về đây buốt giá một đời tiếc thương*

*Trong đêm sương lạnh lãng quên
Bài ca Em hát thân quen hôm nào
Âm vang ngọn gió lao xao
Anh còn nhớ mãi bóng chao mặt hồ*

*Xót thời ân ái đam mê
Ngỡ mình chung bước đi về thênh thang
Ai ngờ Thu tím lá vàng
Vùi chôn kỷ niệm ngồn ngang tơ lòng*

*Đời chia đôi ngã phân kỳ
Những người mang mệnh tinh si u hoài
Biển tràn xóa dấu chân ai
In trên cát trắng những ngày sánh đôi*

*Lá mùa Thu chết lao đao
Như bao hoài niệm hư hao cuối đường
Tình anh thăm lặng miên trường
Trao Em, giữ nhé, một chương muện sầu*

Làm sao quên được dáng yêu
Những ngày xưa cũ liêu xiêu mưa vời
Em xinh duyên dáng ngời ngời
Hò Thu mắt biếc chơi vơi sóng tình

Em là tri kỷ hồng nhan
Tương phùng trong cõi mệnh mang vô thường
Điệu buồn khúc nhạc cung thương
Anh nghe, nghe mãi, mây vương nghìn trùng.

Ngày một, ngày hai.

Ngọc Hân

Đừng em lục bát tình khôi,
buốt qua xiêm áo, luân hồi nhập chung.
Ba hồi sương khói mộng lung,
bảy hồi mây núi vào khung cửa đôi,
một hồi mộng mị ra khơi,
hai hồi thương nhớ gộp lời thành thơ.

Đừng tôi di vãng ngu ngơ,
Quay về cố quận ngời mơ giấc nồng.
Nhìn con chim hót trong lồng
Đêm ngày trộn lại, cầu vòng xanh sao.
Tay trong tay những non nao,
Hai bờ thương nhớ, bên nào là em?



ƯỚC VỌNG ĐẦU NĂM

Trần Ngọc Anh

Ngày đầu năm, tuyết bao vùng trắng xoá,
Buồn dâng lên, người xứ lạ, nao lòng.
Hết gió mưa, dần ngắt ngoài mùa Đông,
Giăng mù kín cho Xuân về ủ rũ.
Bạn bè ơi, còn nhớ chi ngày cũ,
Nơi núi rừng, đêm thức đủ từng đêm,
Tiếng pháo gầm, lệnh báo động và thêm...
...tiếng muỗi réo, tiếng lá rừng xào xạc.
Hơi ẩm thấp, mùi tanh nồng ngọt ngọt,
Vách hầm nghiêng, phiên đổi gác, từng giờ.
Giấc chập chờn, vài tiếng súng vu vơ.
Bao đêm lạnh, chưa xoá mờ ký ức.
Nơi xứ xa, cũng từng đêm thao thức,
Bao lạnh lùng của những kẻ ly hương.
Ngày đầu năm khi nhắc đến người thương,
Còn ở lại với bao quyền đầy đoạ.
Lắm xót xa bên kia bờ biển cả,
Cầu mong cho no ấm buổi thanh bình.
Tuyết ngày Xuân, lạnh lòng một chiến binh,
Chưa trọn vẹn, với nghĩa tình đất nước.
Chỉ áp ủ trong tim niềm mơ ước,
Một Việt Nam, sẽ còn ngẩng cao đầu,
Sẽ qua đi, ngàn vạn nỗi u sầu,
Một Xuân mới An bình và Thịnh vượng.

Thơ

Lan đằm

Người không về xuân này
Sớm, bình minh rất lặng
Bầy sẻ nhỏ ngủ say
Khu vườn xưa quanh vắng

Người không về xuân này
Chiều, hoàng hôn rất vội
Cánh vạc lẻ loi bay
Hàng thông già sương gội.

Người không về xuân này
Đêm, hồng hoàng mây độ
Chiêm bao đầy heo may
Gối chăn đầu ấm chõ.

Người không về xuân này
Khóm lan gầy quên nở
Phố núi, rượu vừa cay.
Cũng thôi, thiên đường lờ



MỌI NỂO ĐƯỜNG - BIỆT ĐỘNG!

letamanh

Biệt Động Quân - Sát!
Qua bao nhiêu trận mạc
Qua bao nỗi nhọc nhằn
Vượt chướng ngại khó khăn
Đèo Trường Sơn cao thấp...
Kể từ ngày thành lập
Cọp Biệt Động mũ nâu
Vết giày trận hằn in đường tổ quốc!
Từ núi cao đến đồng bằng thân mật
Chú “Cọp Nâu” xung trận rất dũng cường
Nào là Pleime - Bình Giả - Kontum
Thanh An - Lệ Ngọc kiêu hùng trấn an
Đến cả Nam Lào - Đông Hà - Thạch Hãn
Tam Kỳ - Khe Sanh - xứ Quảng - Sa Huỳnh
Huế Mậu Thân bao thân xác điêu linh
Quân Biệt Động chiếm lại từng tấc đất
An Lão - Phù Cù - Tam Quan gió giạt
Năm 72 mồ hôi đổ hành quân
Bình Giả - Quảng Đức - An Lộc - Bình Dương
Hang ổ CỌP nơi Ninh Hoà Dục Mỹ
Núi Đèo mòn giày đinh chiến sĩ
Vẫn hiên ngang tìm tử huyệt xông vô
Vết chân Cọp cả miền Đông Nam Bộ
Biệt Động đên đâu là Cộng quân tới số
“SÁT” quân thù quyết bảo vệ toàn dân!

Thế mà gãy gánh vong thân
Thế mà Tổ Quốc một lần tiêu vong?
Quân đang hăng hái một lòng
Quyết tiêu diệt Cộng nổi giòng Quang Trung
Thế sao lệnh chém ngang lưng
Sơn hà xã tắc tim ngừng mát ngang!

Bốn mươi mấy năm sau ngày mất nước
Biệt Động Quân xuôi ngược xứ người
Một lòng đợi đón thiên thư
Mang cờ chính nghĩa diệt trừ tà gian
Bọn bán nước cho Tàu phương Bắc
Lũ Cộng tà rước giặc hại dân
Biệt Động Quân vững tinh thần
Quyết cùng dân Việt một lần vùng lên!
tháng 11 năm 2018



Có chôn nào Xuân hơn nước tôi?
sáng trưa chiều tối một màu thôi
sắc trong như giọt sầu không đáy
màu của màn sương phủ mặt trời.

Có chôn nào vui hơn nước tôi?
bé thơ ngời ngấm tuổi thơ roi
tô son ướp phấn mua com áo
trộm dấu thương đau, dịu dáng ngời.

Có chôn nào khôn hơn nước tôi?
dân phơi áo rách, gò lưng bơi
bơi theo giông tố, theo duyên số
ủ suối lệ khô, thắm điệu cười.

Có chôn nào tươi hơn nước tôi?
ngấp ghé tuổi trăm, tưởng mấy mươi?
“chàng” thăm quê cũ, ngôi hoàng tử
bừng giấc mộng du, uổng kiếp người.

Có chôn nào sang hơn nước tôi?
tiền chia từng bó giữa đêm vui
mặc cho sông núi âm thầm khóc
mất cả giang sơn, đất mẹ rồi.

*Giọt sầu
không đáy
Nhật-Phương*

*Xin nói với các ban, nhất là LÍNH VNCH tại sao tác giả viết hoa hai chữ NGUY QUÂN, tại vì muốn TÔN VINH hai chữ này, và tôi cũng là một hậu duệ của BDQ. Gia đình tôi cũng có Lính, anh chi tôi cũng là Lính VNCH, chắc nhiều người, nhất là Lính sẽ chưa quên cái tên Trương Quang Ân...

DẤU GẬY NGUY QUÂN

*Sương rơi nhuộm trắng núi đồi
cỏ cây đầu gục_cúi người niệm kinh
bao nhiêu năm dài Trường Sơn
con đường quốc lộ mỗi đùn mồ hoang

* Các anh nằm đâu các anh
cho em biết để gom tàn xương xưa
chiến trường cũ dưới nắng mưa
có khi nhìn kỹ dấu chưa bụi mờ

*Em về đúng lúc không mưa
Cổ Thành Quảng Trị cờ chưa đổi màu
giữa ngày mà ngỡ chiêm bao
màu vàng sọc đỏ ửng cao oai hùng

*Nhớ mà nước mắt mênh mông
nghe đau quá đổi trên vùng ngực em
dừng chân trên chóp núi, nhìn
đây là đâu, có ai nằm lại đây?

*Tìm anh, lội suốt trăm ngày
Khe Sanh, Bình Giã, mặt mày xanh xao
thương yêu ơi, anh ở đâu
Pleime, Dakto, Hạ Lào , Đức Cơ?

*Lội hoài, càng thấy bơ vơ
ước gì...còn ước gì giờ, buồn ơi
các anh từ gãy súng rồi
quê hương còn lại dấu giày...Ngụy Quân*

*Biệt Động Quân, Địa Phương Quân...
em chừ mất hết _buồn thương thì ...còn
gắng nhìn lần cuối Việt Nam
đi mà như cả trái tim chết rồi !

đông hương

*tôn vinh hai chữ này.



Món quà văn nghệ

Đề nhớ một tác phẩm đầu tay

Phạm Kim Khôi

Tác phẩm đầu tay em tặng anh
Có thơ có truyện có in hình
Môi cười nửa nụ như thầm nói
Chuyện của văn chương chuyện cảm tình

Anh đọc từng trang giấy ngát thơm
Đây màu kỷ niệm hương thời gian
Với người với cảnh không phai dấu
Với cả riêng mình những nỗi riêng

Những nỗi riêng khi tỏ lúc mờ
Giữa hai hàng chữ giấu trong mơ
Ý không gửi hết qua lời được
Thì để cho lòng ngân tiếng tơ

Không có món quà nào quý hơn
Văn chương nghệ thuật phải không em
Anh hân hạnh được em trang tặng
Tác phẩm đầu tay xin cảm ơn.

Lục Bát ngày về

Ngọc Hân

*Đừng em soi tóc xuân thì
Mười năm con gió hoài nghi mộng đầu.
Hai mươi năm nhớ mưa ngâu,
Ba mươi năm lẽ đêm thâu đợi chờ.
Ta đi một buổi ai ngờ,
Trăm năm còn lại hai bờ phân ly.*



HƯƠNG XUÂN

Trần Ngọc Anh

*Xuân biên trấn tay đã vàng khói thuốc
Mắt mờ sương chiều đồi núi trùng vây.
Bóng quân thù rình rập ở quanh đây,
Núi sừng sững nên ánh ngày qua vội
Và cái chết lân theo cùng đêm tối,
Lạnh bờ vai, vẫn ghè súng đợi chờ.
Tay không dài nào ôm trọn giấc mơ,
Chân quá ngắn sao đường dài đi mãi
Tiếng pháo xa cứ vọng về biên ải,
Hương mai rùng gió quanh quần mùi Xuân.*

Kỷ Niệm

Minh Thủy

Ngày 29 tháng Ba 2018 vừa qua, nhìn thấy hình đại Sứ Mỹ Daniel J. Kristenbrink đến viếng đền Tử Sĩ VNCH, tất cả các kỷ niệm xưa ủa về như mới xảy ra ngày hôm qua.

Lúc Bó về nước sau khi mãn nhiệm kỳ và chờ nhậm chức mới, thời gian đó mấy chị em thường được Bó cho đi chơi xa. Mỗi lần trên đường về nhà, Bó đều ghé qua Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa, đậu xe trước cửa đền Tử Sĩ, thế là ba chị em chạy chơi loanh quanh đền. Bậc thang dẫn lên đền thờ Tử Sĩ rất đẹp không có những cây lớn mọc như bây giờ, nền được lát gạch màu kem.

Một ngày Chủ Nhật vào tháng 6/1971, trời cũng chuẩn bị tắt nắng, đi chơi về Bó tôi lại ghé vào NTQĐ BH. Cũng như mấy lần trước, ba chị em tôi gồm Thủy, Luân, Điệp được dịp chạy chơi trên những bậc thềm. Khi chạy lên tới đền, mấy chị em tôi thấy một người lính đứng gác, tư thế của ông đứng thẳng, cây súng tựa vào bên hông, chung quanh ngôi đền không có một bóng người, yên tĩnh vắng lặng. Em Luân chạy lại gần người lính, đưa tay chỉ vào mặt ông tò mò nhìn, miệng nói “uuu ! ông lính”.

Tôi thấy vậy kéo tay em đi chỗ khác, nói “em đi chơi, đừng làm phiền Chú Lính”. Tôi chợt nhìn lên mặt ông, mặt ông hơi bị rỗ, đen lấm, mắt ông nhìn thẳng phía trước, không động đậy và dường như ông không chú ý là có mấy chị tôi đứng gần.



Thế rồi ba chị em tôi chạy nô đùa một vòng quanh đền, đến khi quay lại chỗ cũ, không còn người lính đứng chỗ cũ nữa. Tôi chạy ra lan can đền, nhìn xuống mấy bậc thang dẫn tới cổng vào, không một bóng người, chỉ thấy Bồ Mẹ tôi đứng bên cạnh xe hơi phía ngoài cổng.... Tự nhiên trong lòng thoáng buồn vu vơ, ông lính có lẽ về nhà rồi..... Đó cũng là lần cuối tôi ghé đến, gia đình tôi lại theo Bồ đi nhậm chức nơi xa.



*Nghĩa Trang QĐBH Nhìn Từ Xa Lộ Biên Hòa.
Tượng Thương Tiếc Được Đặt Ngay Sát Xa Lộ BH.
Hình chụp Trước Ngày 30/04/1975*

Ngôi đền Tử Sĩ VNCH đã có dấu chân của ba chị em, bậc thang đó là nơi chị em chạy lên chạy xuống không biết bao nhiêu lần. Nay rêu phong cũ kỹ.

Rồi thời gian trôi theo vận nước đen đui, tất cả đều chìm vào ký ức tuổi thơ.

Một lần được tình cờ đi thắp từng một nhóm anh Cựu Quân Nhân vào viếng NTQĐ BH do anh Cao Vững bên Mỹ có ủy nhiệm cho anh ĐPQ Lê Thắng tại SG vào cúng

Tử Sĩ VNCH. Ngày 16/4/2013 tôi theo anh Lê Thắng đi cúng. Trong chuyến đi gồm có tôi, một nhà sư, nhà sư này cũng là Cựu Quân Nhân, sau 1975 anh xuất gia. Anh Thắng chuẩn bị một con heo quay lớn và nhang đèn.

Khi đi vào, tôi thấy phong cảnh chung quanh rất lạ, nhất là đường vào lạ và cái bảng lớn bên ngoài có chữ: “nghĩa trang nhân dân bình an”. Trước kia chung quanh NTQĐBH không có nhà cửa, nay nhà cửa chi chít.

Khi vào đến nơi, phải ghi tên tuổi và để lại giấy chứng minh nhân dân (loại giấy như căn cước trước 1975), họ hạch hỏi chúng tôi đi thăm mộ của ai?, may sao có một con của Tử Sĩ cũng đi cúng mộ Ba nên nói tên, ở lô D4.

Họ cũng không cho chúng tôi đặt đồ cúng lên bàn thờ mới lập ra tại Nghĩa Dũng Đài vịn lý do chỗ đó không phải là mộ.

Đi vào bên trong, nhìn rất tiêu điều, ngoài một số mộ được xây ngay cổng vào, tất cả các mộ bên trong đang trong tình trạng sứt lún, mất dấu. Trong trí nhớ của tôi, xưa kia là những hàng mộ trắng thẳng tắp, sạch sẽ thơm mát chứ không phải như bây giờ.

Càng đi sâu vào trong càng khó vì những gốc cây và bụi rậm lớn nhỏ chằng chịt trên mặt đất. Có cây mọc xuyên qua giữa mộ, có cây mọc đè sát vào mộ bia của Tử Sĩ, nhìn thấy đau lòng, nước mắt tôi chảy...

Một vài người bu quanh theo chúng tôi, cả nhóm tôi cũng chẳng biết họ là ai mà cứ đi theo kè kè quan sát chúng tôi, chúng tôi cũng mặc kệ, coi như không có họ và sắp xếp đồ lên trên đất cúng. Một người trong nhóm hỏi em nhỏ con tử sĩ: “sao em không xây mộ Ba”, em đó trả lời “khi nào có tiền sẽ xây hết dãy vì tất cả đều là đồng đội của Ba”. Nhưng biết khi nào em mới có đủ tiền....

Nghe kể lại, anh Trung Úy BĐQ Võ Phi Hùng ở Hoa Thịnh Đốn cảm động và đã ủng hộ tiền xây hết dãy.

Khi xây phải làm đơn cho quản trang và quản trang sẽ nộp lên ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, chờ đợi mất hơn

3 tháng mới được chấp thuận.

Lúc ấy tôi cũng vất vả được bao nhiêu cũng đi xây mộ, tài lực tôi có hạn, tôi chỉ có khả năng xây khi 5 mộ, khi 3 mộ và nhiều nhất là 12 mộ.

Nhìn mộ kế bên đất lụi xụi nằm cạnh mộ mới xây, tôi lại chảy nước mắt, thầm khẩn Tử Sĩ hãy phù hộ cho tôi có khả năng xây toàn bộ mộ.

Lời khẩn của tôi đã được linh ứng. Tôi cũng không nhớ vì sao lại run rủi tới tai của Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất. Tướng Tất ủng hộ, hướng dẫn, chỉ bảo, theo sát công việc trùng tu mộ Tử Sĩ cho tới ngày nay.

Sau đó nhân dịp vào thăm các ngôi mộ mới xây, Hậu Duệ Phạm Ngọc Thanh có đưa người em kết nghĩa là Hậu Duệ Đỗ Hữu Đức đi cùng. Một cuộc gặp mặt vô cùng ngỡ ngàng, anh Đức lại là bạn học với chồng tôi, sau hơn 40 năm mới gặp. Tôi nghĩ, trái đất bây giờ chỉ là ngôi làng nhỏ, anh em bạn chúng tôi từ đó thân nhau như ruột thịt....

Khi vào thăm các ngôi mộ mới, kế bên là những ngôi mộ bị sụt lún, anh Đức rất buồn nên kể lại cho Bố Trung Tá Đỗ Hữu Nhơn biết. Rồi Bố Nhơn cũng theo sát công việc trùng tu cho tới khi nào hết mộ đất bị sụt lún.

Công việc cứ thế đều đặn cho tới tháng 3/2018, các mộ đất mất dấu được Khang trang dần lên. Ngày hoàn tất công việc trùng tu rất gần, nhờ vào việc hướng dẫn của niên trưởng Tất và Niên Trưởng Nhơn. Các thân nhân có mộ được trùng tu gửi lời cảm ơn các Mạnh Thường Quân và các Niên Trưởng, làm lòng tôi cũng lâng lâng chung niềm hạnh phúc với các thân nhân Tử Sĩ...

Con cảm ơn Bố Minh, người Bố đã dạy cho con biết Tri Ân những người đã vì con mà hy sinh cuộc sống, để con có tuổi thơ êm đềm hạnh phúc. Chắc Bố Minh, Mẹ Bằng ở Thiên Đường cũng chung niềm vui với con.





Hoàng Đức

Năm 1946, gia đình tôi tản cư về quê nội tôi, một làng quê đúng y chang như câu mô tả trong ca khúc một thời rất thịnh hành mà tôi quên bèn mất tên, chỉ nhớ lờ mờ có câu: “Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá, anh với tôi đôi người xa lạ, từ phương trời chẳng hề quen nhau.”

Tôi vốn mê nhạc nên nghe nhạc tối ngày sáng đêm, bất cứ lúc nào cũng phải có tiếng nhạc réo rắt thì tâm thần mới an ổn để làm việc. Thời xưa, lúc còn đi học cũng thế, tôi học bài hay làm toán hay làm văn vv... bao giờ cũng có tiếng nhạc, âm thanh mở vừa đủ nghe để trí óc khỏi đi hoang mà tập trung vào công việc. Bài nhạc nào cũng thuộc lai rai vài câu để khi nào nổi hứng thì ca lên ông ông cho vui đời. Thế nhưng tên bài ca thì tôi lại rất ít khi chịu thuộc. Tôi cũng không hiểu nổi tại sao!

Tui không nhớ tại rằng ông bà ngoại tui không tản cư mà cứ tiếp tục sống tại thành phố Huế và cũng nhờ vậy mà gia đình tôi đã có nơi trú ngụ sau khi hồi cư vì không chịu nổi cuộc sống kham khổ ở làng quê.

Một lý do khác nữa thúc đẩy chúng tôi hồi cư là vì chúng tôi sợ “Tây lòng”. Quân đội viễn chinh Pháp hành quân để lòng bắt Việt Minh nên dân làng gọi là

Tây lòng. Trong những lúc lòng bắt Việt Minh, bọn lính Tây và ta, những tên vô kỷ luật thường bắt bớ dân làng và hãm hiếp phụ nữ.

Một hôm, chúng qua làng tôi và xông xộc vào nhà của ông Nội tôi. Mẹ tôi bèn ra chào viên sĩ quan Tây chỉ huy đám quân. Bà nói chuyện lưu loát với ông ta bằng tiếng Tây vì bà đã từng học trường “Đầm” tức là trường Đông Khánh Huế. May mắn thay, viên sĩ quan này thuộc dân trí thức nên khi nghe Mẹ tôi biết nói tiếng Tây, ông ta đã đem lòng kính trọng và đối xử rất lịch sự.

Tất cả những ai hôm đó tá túc trong nhà ông Nội tôi đều được Mẹ tôi bảo lãnh xác nhận không phải là Việt Minh nên họ đã không bị bắt cầm tù và hãm hiếp như ở những nơi khác trong làng ngày hôm đó. Lúc bấy giờ, Bố tôi vì là đàn ông nên phải trốn, không dám chường mặt sợ bị bắt làm vì nghi là Việt Minh.

Sau hôm Tây về lòng đó, Bố Mẹ tôi bàn với nhau là vận may không thể đến lần thứ hai. Nếu rủi ro Tây về lòng mà không có sĩ quan trí thức đi theo thì khó thể tránh khỏi làm nạn nhân của lũ lính tráng vô kỷ luật. Thế là ông bà quyết định hồi cư về lại Huế.

Gia đình tôi gồm có Mẹ tôi, em gái tôi và tôi cùng sinh sống trong căn nhà của ông bà ngoại tôi mà bây giờ trên xứ Mỹ này gọi là “share nhà, share phòng”. Bố tôi, đạo đó làm việc ở Đà Nẵng nên chỉ thỉnh thoảng đi xe lửa về thăm chúng tôi.

Gia đình tôi chung sống với Ngoại tôi một thời gian khá dài nên đã không ít kỷ niệm còn khắc ghi trong tâm trí tôi. Và những kỷ niệm về ngày Tết không thể nào phai mờ trong ký ức vì sau khi chúng tôi ra ở riêng, nhờ Mẹ tôi tận tiện dành dụm được một số tiền nên đã tậu một căn nhà có vườn cây ăn trái. Chúng tôi vẫn thường xuyên lui tới thăm viếng ông bà Ngoại tôi, chỉ

ở cách chúng tôi một quãng đường ngắn. Nhà Ngoại tôi ở trên con đường đi thẳng ra cửa Nhà Đò, một trong những cửa thành đi vào Thành Nội Huế, nhà chỉ cách cửa thành chừng 100m.

Cửa Nhà Đò nằm trên cùng một con đường thẳng đi qua cửa Ngăn và cửa Thượng Tứ. Ba cửa thành này rất chi là nổi tiếng ở thành phố Huế. Gần cửa Thượng Tứ ngày xưa có khu chuồng ngựa của nhà vua vì vậy mà sau này khi mấy bà mấy cô có cuộc sống tình ái lãng nhãng, thay chồng như thay áo thì dân Huế gọi họ là “Ngựa Thượng Tứ”. Cửa Ngăn nổi tiếng vì ngay sát bên trong cửa thành là một giàn súng thần công đúc bằng đồng, trông thật oai nghiêm hùng dũng nhưng uy lực thì chẳng bao nhiêu so với các loại súng đại bác thời nay.

Chúng tôi, những buổi trưa Hè oi bức, thường leo lên nằm trên những khẩu súng này để cảm nghe cái mát lạnh của chất đồng thấm vào da thịt. Riêng cửa Nhà Đò gần nhà ông bà Ngoại tôi thì không có gì nổi tiếng nếu trận lụt năm Nhâm Thìn 1952 không làm sập và từ đó mang danh Cửa Sập đi liền với xóm yên hoa, tôi không biết vì duyên cớ nào bỗng mọc lên trong vùng nhà cư dân gần cửa Nhà Đò. Địa danh cửa Nhà Đò hay Cửa Sập đã bị ô danh từ sau trận lụt cuốn trôi nhà cửa năm 1952. Đây là câu chuyện sau này lúc tôi đã leo lên đến bậc Trung học.

Trước đó, thời gian tôi học tiểu học mới thực sự là một trời kỷ niệm. Nghĩ đến bà Ngoại tôi là tôi nhớ ngay đến những điều kiêng cử trong ngày Tết. Có thể nói



Cửa Thượng Tứ

không ngoa, bà Ngoại tôi là một trong những người thuộc hạng số một trong đời, rầm rập tuân theo tất cả những lễ nghi phiến toái cổ truyền có tính cách mê tín.



Chợ tết

Bà chuẩn bị Tết từ ngày rằm tháng Chạp, mua tất cả những vật dụng và lương thực cần thiết cho ngày Tết, chẳng hạn như một cái chổi mới toanh, giấy tiền vàng bạc, những lá bùa, gạo, nếp, đậu xanh, gừng, dừa vv... Bà làm mứt kể từ Rằm tháng Chạp. Bà làm mứt để cúng, để cho con cháu ăn và để khoe tài khéo léo. Bà tăn măn, tỉ mỉ cắt những lát dừa thật dài, thật mỏng, ngào đường sao cho trắng, muốt mịn. Những lát mứt gừng, mứt bí đao cũng thế, cắt tỉa khéo léo nghệ thuật. Những trái kim quít hay kim quật mà bây giờ tôi nghe gọi là trái tắc được bà cắt gọt thật cầu kỳ, rồi dùng kim chích từng mũi nhỏ vào cái vỏ để cho nước đường thấm đều vào. Những chiếc bánh in Ngoại tôi dùng khuôn để đúc bột cũng được bà nâng niu triu mến. Đến cái phần bánh chun, bánh tét thì thật là cả một nghệ thuật nhiều khê mà ngay cả mẹ tôi mỗi lúc gói xong một chiếc bánh đều phải đưa cho Ngoại tôi duyệt lại xem có vuông, có tròn, có sắc cạnh không, rồi mới được dùng dây buộc lại.

Qua phần chuẩn bị Tết! Ngày 23 tháng Chạp, đưa ông Táo về Trời là mâm cơm cúng đầu tiên bắt đầu cho một chuỗi dài những nghi tiết diễn ra trong ngày Tết. Bà đưa ông Táo với tất cả áo mũ xanh xang, đủ cả hia, cả sớ, tất cả mọi thứ đều có gian hàng bán đồ mã cung cấp ở chợ Đông Ba. Bà Ngoại tôi lo sắm sanh lễ vật và ông

Ngoại tôi có nhiệm vụ cúng và van vái. Ông là quan võ dưới triều nhà Nguyễn nhưng lại rất rành nghề cúng vái, nghi lễ.

Sau ngày đưa ông Táo về châu Thượng Đế là đến tối Giao Thừa. Lại một mâm cơm cúng với những món ăn đặc biệt và sang trọng hơn ngày thường. Đêm giao thừa, ông Ngoại tôi phải khấn vái mời chư vị tổ tiên và thân nhân quá cố về ăn Tết cùng gia đình. Nghi lễ này bà Ngoại tôi gọi là cúng rước ông bà (Tổ tiên).

Tất cả mọi người trong gia đình phải đứng cúng trước bàn thờ theo đúng tôn ty trật tự. Ông Ngoại tôi cúng trước tiên rồi đến bà Ngoại, đến các bà dì, chị của mẹ tôi rồi đến mẹ tôi và cậu tôi (em của mẹ tôi). Sau đó mới đến phiên chúng tôi là những đứa cháu trong gia đình. Anh, chị cúng trước, rồi mới đến các em.

Bà Ngoại tôi đứng bên cạnh bàn thờ để kiểm soát chúng tôi. Đứa nào láu táu nhảy vào cúng khi chưa đến phiên là bị bà nắm đầu kéo lại nhường cho anh chị cúng trước. Lúc cúng, phải nghiêm trang, không được lí lắc, cười đùa dù là cúng đưa ông Táo, một chức quan nhỏ bé trong giai tầng những kẻ khuất mặt.

Sau lễ Giao Thừa, chúng tôi ngồi quây quần nghe bà Ngoại chúng tôi ‘briefing’, căn dặn ba ngày Tết không được chạy nhảy, leo trèo, hoang phá, sợ bị ngã té và sẽ gặp xui suốt năm. Cố gắng ngoan ngoãn không làm lỗi để khỏi bị la mắng có ảnh hưởng cho suốt cả năm.

Dĩ nhiên, người lớn trong những ngày Tết cũng sẽ rất khoan hồng, sẵn sàng bỏ qua những lỗi lầm có thể tha thứ được để cho con trẻ không gặp điều xui xẻo. Áo quần, ăn mặc phải giữ gìn sạch sẽ vì ba ngày Tết không được giặt áo quần, sợ xui (tui chẳng biết vì răng mà xui). Điều khá quan trọng, Ngoại tôi dặn lui dặn tới là không được xả rác vì ba ngày Tết, không được quét nhà.

Nếu vạ bắt đặc dĩ, phải quét nhà thì không được quét ra mà phải đứng từ ngoài cửa nhà và quét rác vào nhà, tấp vào một góc, để đó, chờ sau ba bữa Tết sẽ hốt rác.

Trong các lời căn dặn, bao giờ cũng có thành ngữ “ba ngày Tết, hay ba bữa Tết”. Thật rất chi là quan trọng! Tuyệt đối cẩn thận để khỏi đánh vỡ chén, bát, đĩa, không chấp nhận bất cứ một sự đổ vỡ nào xảy ra trong ba ngày



Mâm Cỗ Ngày Tết

Tết. Ôi thôi, đủ mọi thứ chuyện phải kiêng cử, thật là mất vui trong những ngày vui. Nhưng nói thế, chứ chúng tôi cũng cứ vui như Tết vì biết rằng cha mẹ, ông bà sẽ rất khoan hồng trong ba bữa Tết.

Tôi chẳng biết bà Ngoại tôi cúng vái như thế nào và cúng cho ai, cúng vị thần nào mà một ngày, kể từ mùng Một đến mùng Ba tháng Giêng, mỗi ngày bà cúng đến bốn, năm bận. Nào là Tết nhà, Tết đất, Tết vườn, rồi ông bà tổ tiên điếm tâm, rồi dùng bữa trưa, bữa lỡ, rồi bữa tối vv... Lúc nào cúng, cũng đầy đủ lễ nghi, cơm, nước, rượu, trà, mứt bánh vv... Lúc nào cũng trang nghiêm đến độ tôi thấy gương mặt Ngoại tôi khó đăm đăm.

Chiều ba mươi Tết, cúng mời ông bà về vui Tết với con cháu, sáng mùng Một Tết, cúng đón ông bà và chiều mùng Ba Tết, cúng đưa ông bà về lại cõi Âm. Mẹ tôi cũng bắt chước Ngoại tôi, theo một vài nghi thức đón Xuân, nhưng bà cải tiến nên không có mâm cúng đưa ông bà ngày mùng Ba Tết vì bà bảo là mời ông bà về vui Xuân, rồi ông bà muốn từ giã ra đi lúc nào là do ý muốn của ông bà, chứ ngày mùng Ba, nếu ông bà vẫn còn muốn ở lại với con cháu mà mình cúng đưa tức là

làm phật lòng ông bà. (Nghe cũng có lý!)

Cũng may, một năm chỉ có 3 ngày Tết, chứ có nhiều ngày hơn nữa, chắc Ngoại tôi không thọ nỗi vì tôi thấy bà để tất cả tâm hồn và trí óc lo cho ngày Tết đến độ quên ăn, bỏ ngủ. Không biết mấy cửa hàng đồ mã vẽ bùa, vẽ chú như thế nào mà Ngoại tôi mua đủ loại, mặc dầu bà không am hiểu Hán Tự. (Một nét rất “đễ thương” của Ngoại tôi là không bao giờ bà vứt bỏ một tờ giấy trên đó có chữ Hán vì bà cho rằng đấy là chữ của Thánh Hiền. Nhật được tờ giấy báo hay tờ sách có chữ Hán là bà đem đốt chứ không chịu vứt vào sọt rác.) Thế mà bà dùng đạo bùa này dán vào bàn ghế, tủ giường, dán vào cây chổi mới, rồi lại dùng đạo bùa khác dán vào góc mây thân cây trong vườn một cách chi li, chính xác.

Tôi tò tò đi theo Bà và hỏi Ngoại dán như thế để làm gì thì bà suýt bảo tôi im đừng hỏi. Lát sau, vào lại trong nhà bà mới bảo bà dán bùa để cho cây đơm bông, ra trái. À thì ra thế! Nhưng sao bà lại làm ra vẻ thần bí thế? Tôi thật không hiểu!

Chẳng những bà cẩn thận trong nghi thức mà bà còn có những “nguyên tắc” thật thú vị. Chẳng hạn một món ăn, chưa đem lên bàn thờ để cúng mà lỡ có người nào trong nhà đói bụng, ngay cả như ông Ngoại tôi hay là Cậu tôi, con trai cưng độc nhất của Ngoại, vì không biết món ăn dùng để cúng, lỡ mó đũa vào nếm là bà không dùng món đó để cúng nữa mà phải nấu món khác.

Nếu trong lúc đem món ăn lên bàn thờ tổ tiên mà vô ý đi ngang dưới sợi dây thép dùng để phơi áo quần, dù trên chiếc dây trông trơn không có chiếc quần hay cái áo nào thì bà cũng cho là món ăn bị ô uế không thể dùng để cúng.

Bà Ngoại tôi tinh khiết đến như thế, tưởng trong đời có một không hai! Nếu tôi không sợ bị la mắng thì đã

cố ý làm như vô tình đem các thức ăn ngon đi dưới sợi dây phơi áo quần để tha hồ được ăn vì Ngoại tôi không dùng cho lễ cúng.

Tin vào sự ô uế này nên tôi có thằng anh họ cứ lừa đẩy tôi chui dưới cái quần đen đang phơi trên dây để tôi học hành u mê vì tôi học giỏi hơn cái thằng anh mắc dịch này. (Ở Huế mùa mưa, mưa thúí đất, thúí đai mà lúc bấy giờ đâu có máy giặt, máy sấy như bây giờ nên áo quần giặt xong là phải căng dây thép phơi ngay trong nhà). Cũng may, bị nhiều lần lòn dưới ống quần như thế mà tôi thấy tôi không u mê chút nào, chỉ phải cái tội là sau này, khi lớn lên tôi bị đàn bà xỏ mũi. Không biết như vậy là hên hay xui và không biết có phải tôi bị ếm như thế nên mới ra nông nổi như ngày nay chằng.

Tôi đã ăn bao nhiêu cái Tết trong căn nhà thân yêu của Ngoại tôi, tôi không nhớ rõ, nhưng những kỷ niệm ngày thơ ấu vẫn đầy ắp trong tôi, mỗi khi xuân về, Tết đến. Có lẽ vì vậy mà tôi như lâm vào tình trạng bão hòa hay là vì đã xa rồi cái tuổi vui mừng, nô nức đón Tết nên giờ đây, tôi như đứng đưng trong không khí Tết nơi đất khách quê người.

Bùi ngùi nhớ bà Ngoại tôi thường thương mến bảo tôi có số sướng, số được ăn vì mỗi khi tôi đến thăm Ngoại thì y như là Ngoại tôi vừa nấu một món ăn ngon hay trong vườn có trái cây chín, Ngoại vừa hái vào, và thế là tôi được ăn. Ông Ngoại tôi thì có lẽ không thương tôi bằng mấy đứa cháu khác nên ông lập luận rằng tôi có số “ăn mày” nên đi đâu cũng có người cho ăn. Sao cũng được, số gì thì số, miễn có ăn là vui rồi, nhất là lại ăn Tết thì thật là vui nhất trên đời.